

恒利會計與顧問有限公司

EVER WIN ACCOUNTING & CONSULTING CO.,LTD



稅務指南 AC-2206 Cẩm nang Thuế

標題 企業應付款項和償還國外貸款
Tiêu đề VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

編撰 經理 阮維成 會計師
Người soạn Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành

涉及範圍 越南法律、國外貸款、國外貸款登記文件、匯款目的、貸款貨幣、報告期限、處罰
Phạm vi liên quan Pháp luật Việt Nam, Khoản vay nước ngoài, Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài, Mục đích chuyển tiền, Đồng tiền vay, Thời hạn báo cáo, Xử phạt

Think for you Do for you
為您思考 用心服務



企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

國家銀行於 2022 年 09 月 30 日頒布取代第 03/2016/TT-NHNN 號通知之第 12/2022/TTNHNN 號通知，以完善企業應付款項和償還國外貸款的法律框架。 Ngày 30/9/2022, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 12/2022/TTNHNN (thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN) nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

我司謹通知於 2022 年 09 月 30 日頒布之第 12/2022/TTNHNN 號通知之若干變更如下：

Chúng tôi xin thông một số thay đổi của thông tư 12/2022/TTNHNN ban hành ngày 30/09/2022 như sau :

1. 自第 12/2022/TT-NHNN 號通知生效之日起（2022 年 11 月 15 日），企業需通過 www.sbv.gov.vn 或 www.qlnh-sbv.cic.org.vn 網站，按月定期在網站上在線報告非政府擔保的境外應付款項和償還情況對於以下貸款。

Kể từ ngày Thông tư 12/2022/TT-NHNN có hiệu lực thi hành (15/11/2022), doanh nghiệp cần thực hiện báo cáo trực tuyến trên Trang điện tử về tình hình vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh với định kỳ báo cáo hàng tháng. Qua Trang điện tử được truy cập qua địa chỉ www.sbv.gov.vn hoặc www.qlnh-sbv.cic.org.vn. Với các khoản vay sau.

- 延期付款的進口貨物形式的外國貸款

Khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm

- 短期貸款

Khoản vay ngắn hạn

- 國外中、長期貸款

Khoản vay trung, dài hạn nước ngoài

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

2. 第 12/2022/TT-NHNN 號通知詳細規定關於必須向國家銀行執行登記之貸款對象包括：

Thông tư 12/2022/TT-NHNN quy định cụ thể các trường hợp Khoản vay phải thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

- 國外中、長期貸款。

Khoản vay trung, dài hạn nước ngoài.

- 短期貸款經延期後而貸款的總期限在 01 年以上。

Khoản vay ngắn hạn được gia hạn thời gian trả nợ gốc mà tổng thời hạn của khoản vay là trên 01 năm.

- 無延期協議的短期貸款自首次提款之日起至滿 01 年之時點仍有本金餘額（包括本金利息），除非債務方自首次提款之日起至滿 01 年之時點起 30 個工作日內完成償還上述貸款本金餘額。

Khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc (bao gồm cả nợ lãi được nhập gốc) tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trừ trường hợp bên đi vay hoàn thành thanh toán dư nợ gốc nói trên trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ thời điểm tròn 01 năm tính từ ngày rút vốn đầu tiên.

3. 第 12/2022/TT-NHNN 號通知詳細規定關於債務方提交國外貸款登記文件的期限如下：

Thông tư 12/2022/TT-NHNN quy định chi tiết thời hạn bên đi vay phải nộp hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài như sau.

- 自簽訂國外中、長期貸款協議書之日起 30 個工作日內；

30 ngày làm việc kể từ ngày ký thỏa thuận vay nước ngoài trung, dài hạn;

- 自短期貸款延期為中、長期貸款的協議書簽訂之日起 30 個工作日內，但延期協議的簽訂日期為自首次提款之日起 01 年內；

30 ngày làm việc kể từ ngày ký thỏa thuận gia hạn khoản vay nước ngoài ngắn hạn thành trung, dài hạn mà ngày ký thỏa thuận gia hạn trong vòng 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên;

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

- 自債務方獲得企業登記執照、根據專門法律設立和經營許可證之日，以公私合作方式簽訂投資合同（公私合營合同）之日，各方簽訂國外貸款協議以將要投資的金額轉換為貸款資本之日（以較晚者為準）起 30 個工作天內，適用於將已取得投資執照的預案的投資準備金轉換為國外貸款所產生的國外貸款。

30 ngày làm việc kể từ ngày bên đi vay được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động theo pháp luật chuyên ngành, ngày ký hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư (hợp đồng PPP), ngày các bên ký thỏa thuận vay nước ngoài để chuyển số tiền chuẩn bị đầu tư thành vốn vay (tùy thuộc ngày nào đến sau), áp dụng đối với khoản vay nước ngoài phát sinh từ việc chuyển số tiền thực hiện chuẩn bị đầu tư của các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành vốn vay nước ngoài.

- 自首次提款之日起至滿 01 年之日起 60 個工作天內，對於：

60 ngày làm việc tính từ ngày tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên đối với:

- 國外短期貸款轉為中、長期貸款而延期協議的簽訂日期為首次提款之日起 01 年後；

Khoản vay nước ngoài ngắn hạn thành trung, dài hạn mà ngày ký thỏa thuận gia hạn sau 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên;

- 無延期協議的短期貸款自首次提款之日起至滿 01 年之時點仍有本金餘額（包括本金利息）。

Khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc (bao gồm cả nợ lãi được nhập gốc) tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

4. 必須在銀行匯款單上註明匯款目的

Phải ghi rõ mục đích chuyển tiền trên lệnh chuyển tiền

作為債務方的客戶有責任註明並要求債權方註明與國外貸款有關的銀行匯款單的用途。對於無註明與國外貸款有關用途的銀行匯款單，銀行將無依據確定國外貸款的義務，並在付款期到期時為客戶轉款償還貸款（本金、利息）。

Khách hàng là bên đi vay có trách nhiệm ghi rõ và yêu cầu bên cho vay ghi rõ mục đích trên các lệnh chuyển tiền liên quan đến khoản vay nước ngoài. Đối với các lệnh chuyển tiền không ghi rõ mục đích liên quan đến khoản vay nước ngoài, Ngân hàng sẽ không có cơ sở để xác định nghĩa vụ nợ nước ngoài và chuyển tiền trả nợ khoản vay (gốc, lãi) khi đến hạn thanh toán cho khách hàng.

5. 關於向銀行通知和提供文件義務的新規定

Quy định mới liên quan đến nghĩa vụ thông báo và cung cấp chứng từ cho Ngân hàng

自2022年11月15日起，作為債務方的客戶在以下情況下需要通知和/或提供額外文件：

Kể từ ngày 15/11/2022, khách hàng là bên đi vay cần thông báo và/hoặc cung cấp thêm chứng từ trong các trường hợp sau:

(i) 對於短期貸款：首次提款時提供“貸款資金使用方案、經審權部門批准的貸款投資預案”，在第2次提款時（對於多次提款的貸款）提供“經債務方確認的國家銀行網站還貸情況報告截圖”以及貸款還款時間。

Đối với các khoản vay ngắn hạn: Cung cấp “Phương án sử dụng vốn vay, dự án đầu tư sử dụng vốn vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt” tại thời điểm rút vốn đầu tiên và “Bản chụp màn hình báo cáo về tình hình vay, trả nợ trên trang điện tử của Ngân hàng nhà nước có xác nhận của bên đi vay” vào các thời điểm rút vốn từ lần 2 đối với các khoản vay rút vốn nhiều lần và thời điểm trả nợ vay.

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

(ii) 在首次提款之日起 12 個月內，通知銀行關於已將短期貸款延期為中長期貸款。

Thông báo với ngân hàng về việc khoản vay ngắn hạn đã được ký thỏa thuận gia hạn thành khoản vay trung, dài hạn trong thời gian 12 tháng tính từ ngày rút vốn đầu tiên.

(iii) 根據第 12/2022/TT-NHNN 號通知規定的非通過國外貸款、還款賬戶提款/還款的情況，自提款或還款之日起 05 個工作天內通知並發送相關文件。

Thông báo và gửi chứng từ liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày rút vốn hoặc trả nợ trong các trường hợp rút vốn/ trả nợ không thông qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài theo quy định của thông tư 12/2022/TT-NHNN.

6. 貸款貨幣不同於直接投資資本賬戶貨幣之規定

Quy định Đồng tiền vay khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp

若國外中、長期貸款的貸款貨幣與債務方的客戶在銀行開立的直接投資資金賬戶貨幣不一致，客戶開立與貸款貨幣相應的國外貸款、還款賬戶，以進行國外貸款。 Trường hợp đồng tiền vay của khoản vay nước ngoài trung, dài hạn khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp mà khách hàng là bên đi vay đã mở tại Ngân hàng, khách hàng thực hiện mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài tương ứng với đồng tiền vay để thực hiện khoản vay nước ngoài.

7. 通過擔保方接收擔保財產來履行擔保義務

Thực hiện nghĩa vụ bảo đảm bằng việc bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản bảo đảm

用於償還債務（本金、利息）的匯款交易、支付延期付款的進口貨物形式的國外貸款的相關費用之交易不強制通過國外貸款、還款賬戶進行。

Các giao dịch chuyển tiền trả nợ (gốc, lãi), trả phí liên quan đến khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm không bắt buộc phải thực hiện qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài.

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

8. 補充變更國外貸款的情況：對於以下情況，債務方在網站上進行變更，無需進行登記變更國外貸款（第 17 條第 2 款）：

Bổ sung các trường hợp thay đổi khoản vay nước ngoài, bên đi vay thực hiện thay đổi trên Trang điện tử, không cần thực hiện đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (khoản 2 điều 17) như sau.

對於以下情況，債務方在網站上進行通知變更內容，無需進行登記變更國外貸款（第 17 條第 2 款）：

Bên đi vay thực hiện thông báo nội dung thay đổi trên Trang điện tử, không cần thực hiện đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài đối với các trường hợp sau đây:

a) 與國家銀行確認的計劃相比，在 10 個工作天內變更資金提款、還本付息的時間；

Thay đổi thời gian rút vốn, trả nợ gốc trong phạm vi 10 ngày làm việc so với kế hoạch đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận;

b) 債務方地址變更但無變更債務方總部所在省、市，債務方發送地址變更通知予有權機關登記確認國外貸款的變更；

Thay đổi địa chỉ của bên đi vay nhưng không thay đổi tỉnh, thành phố nơi bên đi vay đặt trụ sở chính, bên đi vay gửi thông báo về việc đổi địa chỉ cho Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của bên đi vay;

c) 變更債權方，變更有指定債權方的銀團貸款中債權方的相關信息，除非債權方同時是銀團貸款中的債權方代表，及債權方的變更改變債權方的代表角色；

Thay đổi bên cho vay, các thông tin liên quan về bên cho vay trong khoản vay hợp vốn có chỉ định đại diện các bên cho vay, trừ trường hợp bên cho vay đồng thời là đại diện các bên cho vay trong khoản vay hợp vốn và việc thay đổi bên cho vay làm thay đổi vai trò đại diện các bên cho vay;

d) 變更提供賬戶服務的銀行、擔保交易銀行的商業交易名稱；

Thay đổi tên giao dịch thương mại của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản, ngân hàng phục vụ giao dịch bảo đảm;

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

đ) 與國家銀行在登記確認書、登記變更國外貸款的確認書中確認的計劃相比，變更國外貸款利息和費用的支付計劃，但不變更國外貸款協議中規定的利息和費用的確定方式。債務方有責任編制利息、費用應付表，以提供賬戶服務的銀行在轉賬時有檢查、監控的依據；

Thay đổi kế hoạch trả lãi, phí của khoản vay nước ngoài so với kế hoạch đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài nhưng không thay đổi cách xác định lãi, phí quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài. Bên đi vay có trách nhiệm lập bảng tính lãi, phí phải trả để ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản có cơ sở kiểm tra, theo dõi khi thực hiện việc chuyển tiền;

e) 與登記確認書、國外貸款變更登記確認書記載的金額相比，在國外貸款貨幣 100 個貨幣單位內變更（增加或減少）提款、償還本金、利息、費用的金額；

Thay đổi (tăng hoặc giảm) số tiền rút vốn, trả nợ gốc, lãi, phí trong phạm vi 100 đơn vị tiền tệ của đồng tiền vay nước ngoài so với số tiền đã nêu trong văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài;

g) 變更特定期間實際提款、償還本金的金額少於登記確認書、國外貸款變更登記確認書的提款、還款計劃中記載的金額。

Thay đổi số tiền rút vốn, trả nợ gốc thực tế của một kỳ cụ thể ít hơn số tiền được nêu tại kế hoạch rút vốn, trả nợ trên văn bản xác nhận đăng ký hoặc văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài.

備註：對於本條第 2 款第 g 點的變更內容，在提款、支付當期餘款之前，債務方有責任為未按本通知的規定執行的餘款登記變更提款、還款計劃。

Lưu Ý: Đối với nội dung thay đổi tại điểm g khoản 2 Điều này, trước khi thực hiện rút vốn, trả nợ số tiền còn lại của kỳ đó, bên đi vay có trách nhiệm đăng ký thay đổi kế hoạch rút vốn, trả nợ đối với số tiền còn lại chưa thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

9. 債務方的報告期限

Thời hạn báo cáo đối với bên đi vay

債務方必須定期按月（不遲於報告期後一個月的 5 日）在網站上在線報告短期貸款、中、長期貸款的執行情況。若網站出現技術問題無法發送報告，債務方按本通知附錄 05 的範本發送書面報告。

Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo kỳ báo cáo, bên đi vay phải báo cáo trực tuyến tình hình thực hiện các khoản vay ngắn, trung và dài hạn tại Trang điện tử. Trường hợp Trang điện tử gặp lỗi kỹ thuật không thể gửi được báo cáo, bên đi vay gửi báo cáo bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. 未向國家銀行登記貸款的處罰

Chế tài xử phạt khi không đăng ký khoản vay với Ngân hàng Nhà nước

根據關於貨幣領域行政處罰之第 88/2019/NĐ-CP 號議定，處罰如下：

Theo nghị định số 88/2019/NĐ-CP về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, xử phạt như sau

對於以下違反行為之一，處以 20.000.000 越盾至 30.000.000 越盾的罰款：

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

不遵守行政程序的規定對於：登記、登記變更國外貸款、國際債券發行；登記、登記變更國外放款、非居住者擔保債務追收款等。

Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục hành chính đối với: việc đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế; đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú...

企業應付款項和償還國外貸款

VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

據此，罰款為 20.000.000 越盾至 30.000.000 越盾（對於個人）。對於具有同一個違反行為的組織，罰款為個人罰款額的兩倍，即 40.000.000 越盾至 60.000.000 越盾。

Như vậy, đối với cá nhân thì mức phạt là 20 triệu đến 30 triệu đồng. Đối với tổ chức, mức phạt tiền đối với tổ chức có cùng một hành vi vi phạm hành chính bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Mức phạt đối với tổ chức sẽ là 40 triệu đến 60 triệu đồng.

違規提款、償還國外貸款的罰款

Mức phạt khi thực hiện rút vốn, trả nợ đối với khoản vay nước ngoài không đúng quy định

企業非通過在提供賬戶服務的銀行開立的貸款賬戶，將貸款用於提款、償還國外貸款和其他與國外貸款、還款、國外貸款擔保有關的貸款交易，而使用另一個賬戶，則違反國外貸款的提款、還款，具體處罰如下：

Nếu doanh nghiệp sử dụng khoản vay không qua tài khoản vay đã mở tại ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản để thực hiện rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài và các giao dịch chuyển tiền khác liên quan đến hoạt động vay, trả nợ nước ngoài, bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài, mà sử dụng qua một tài khoản khác thì vi phạm việc thực hiện rút vốn, trả nợ đối với khoản vay nước ngoài, mức phạt cụ thể như sau:

對於以下違反行為之一，處以 30.000.000 越盾至 50.000.000 越盾的罰款：

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- 違規提款、償還國外貸款。

Thực hiện việc rút vốn, trả nợ đối với các khoản vay nước ngoài không đúng quy định.

- 罰款為 30.000.000 越盾至 50.000.000 越盾（對於個人），對於具有同一個違反行為的組織，罰款為個人罰款額的兩倍，即 60.000.000 越盾至 100.000.000 越盾。Mức phạt đối với cá nhân là từ 30 triệu đến 50 triệu, mức phạt đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Mức phạt sẽ từ 60 triệu đến 100 triệu đồng.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



www.everwin-group.com

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ marketing@everwin-group.com

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ marketing@everwin-group.com

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ marketing@everwin-group.com

Think for you Do for you
為您思考 用心服務

